

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HS-ST

Ngày: 20/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thanh Kỳ

2. Ông Lê Ngọc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2021/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/02/1986 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số nhà 109, tổ 1, khu phố Hiệp Lực, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1958; bị cáo là con út trong gia đình có 03 chị em; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không

Tiền án:

Tại Bản án số 61/2019/HSST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Thanh T 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 07/7/2020.

Bị cáo được tại ngoại.

2. Lê Mậu V, sinh ngày 05/01/1983 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Nhà không số thuộc khu 1, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mậu S, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị Cẩm L, sinh năm 1962; bị cáo là con đầu trong gia đình có 04 anh em; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Thuỳ T, sinh năm 1992 và có 01 con tên Lê Huỳnh Ngọc D, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại.

- *Bị hại*: Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1975.

Cư trú tại: Nhà không số thuộc ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T và Lê Mậu V là bạn bè, khoảng đầu tháng 02/2021, T và V đi chơi ngang qua nhà bà Đặng Thị T1, sinh năm 1975, trú tại: Nhà không số thuộc ấp 2, xã P, huyện Đ thì V phát hiện trong sân nhà bà T1 có trồng cây hoa giấy nên V nói với T nếu T lấy (trộm cắp) được cây hoa giấy thì V sẽ mua với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thực hiện ý định trên, đến khoảng 00 giờ ngày 01/3/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future (không rõ biển số) đến nhà bà T1 để trộm cắp cây hoa giấy thì thấy cây hoa giấy bị xích lại nên T đến nhà V nói cho V biết. Lúc này, V nói với T “Xích rồi thì cưa” rồi đưa cho T 01 cưa tay để T quay lại nhà bà T1 dùng cưa, cưa phần ngọn cây, dùng tay nhổ cây hoa giấy ra khỏi chậu. Do cây hoa giấy to và nặng nên T quay lại nhà V kêu V đến phụ đưa cây lên xe mô tô nhưng V không đi nên T một mình quay lại và đưa cây lên xe mô tô chở về

bãi đất trống gần nhà T cất giấu. Đến ngày 02/3/2021, T cho V biết đã trộm cắp được cây hoa giấy nhưng do chưa có tiền nên V chưa mua.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà T1 đã nói cho em ruột là ông Đặng Văn Q, sinh năm 1984, trú tại: Ấp 4, xã P, huyện Đ biết. Ông Q đã nói chuyện về việc bà T1 bị mất cây hoa giấy với ông Trịnh Đình P, sinh năm 1983 (là hàng xóm của bà T1). Sau khi biết việc bà T1 bị mất cây hoa giấy thì ông Phú có đến nhà V chơi (ông Phú với V là bạn bè quen biết), sau khi nói chuyện với V về việc bà T1 mất cây hoa giấy thì V nói có đối tượng từng đưa cây hoa giấy đến bán có đặc điểm giống với cây hoa giấy của bà T1 bị mất nhưng V không mua, nếu muốn chuộc thì để V liên hệ rồi chuộc về cho. Sau đó, ông P đã nói lại cho ông Q và ông Q đã nhờ V liên hệ để chuộc lại cây hoa giấy thì V đồng ý. V liên hệ với T để ông Q chuộc lại cây hoa giấy thì T đồng ý và nói giá chuộc là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), V nói lại với ông Q giá chuộc lại cây hoa giấy là 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì ông Q đồng ý. Sau đó, V hẹn ông Q đến quán cà phê “Cây Sung” thuộc ấp 3, xã P để chuộc cây hoa giấy; khi V vừa nhận số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) từ ông Q thì bị Công an xã P lập biên bản sự việc và đưa về Công an xã P làm việc. Ngày 04/3/2021, T biết được sự việc V bị Công an xã P đưa về làm việc nên T đến Công an xã P đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Nguyễn Thanh T và Lê Mậu V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá ngày 24/3/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị tài sản 01 cây hoa giấy cao 02m, hoành thân 60cm, hoành gốc 70cm có giá trị định giá là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án:

- 01 cây hoa giấy cao 02m, hoành thân 60cm, hoành gốc 70cm và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là tài sản của bà T1 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bà T1 là phù hợp.

- 01 cây cưa tay dài khoảng 50cm, là công cụ Nguyễn Thanh T sử dụng vào mục đích phạm tội. T đã vứt bỏ tại khu vực dốc 112, thuộc khu phố H, thị trấn Đ, Cơ quan điều tra chưa tìm được.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Future (không rõ biển số) T khai mượn của một người bạn tên Huy (không rõ nhân thân, lai lịch) là phương tiện phạm tội nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã trả lại cho Huy. Do không rõ nhân thân, lai lịch của Huy nên không có cơ sở để xác minh, làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đặng Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 114/CT-VKSĐQ ngày 10/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Mậu V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo T mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo V mức án từ 10 đến 12 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **bị cáo và bị hại** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của các bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng đầu tháng 02/2021, bị cáo T và V đi ngang qua nhà bà Đặng Thị T, sinh năm 1975, trú tại: Nhà không số thuộc ấp 2, xã P, huyện Đ thì V phát hiện trong sân nhà bà T1 có trồng cây hoa giấy nên V nói với T nếu T lấy (trộm cắp) được cây hoa giấy thì V sẽ mua với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Khoảng 00 giờ ngày 01/3/2021, T đến nhà bà T1 để trộm cắp cây hoa giấy nhưng do cây hoa giấy bị xích lại nên T đến gặp V và V đã đưa cho T 01 cửa tay để T đi cửa cây hoa giấy. Sau khi trộm cắp T có nhờ V đến cùng đưa cây hoa giấy lên xe để chở về thì V không đồng ý, sau đó T

đã mang về nhà cất giấu và gọi cho V nhưng do V chưa đủ tiền nên chưa mua. Sau khi biết V quen với người đang giữ cây hoa giấy thì đến chiều ngày 04/3/2021, khi ông Q đang thoả thuận và giao số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) chuộc cây hoa giấy cho V thì bị Công an xã P lập biên bản sự việc. Theo kết luận định giá ngày 24/3/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị tài sản 01 cây hoa giấy cao 02m, hoành thân 60cm, hoành gốc 70cm có giá trị là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của bị hại nhưng vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố.

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, V là người rủ rê và chuẩn bị công cụ phương tiện, T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo T có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo xem thường pháp luật nên phải có mức án cao hơn bị cáo V.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; tài sản đã được thu **hồi và trả lại cho bị hại**. **Đây** là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo là quân nhân xuất ngũ; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 cây cưa tay dài khoảng 50cm, là công cụ T sử dụng vào mục đích phạm tội. Do T đã vứt nên Cơ quan điều tra tìm được sẽ xử lý sau.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Future (không rõ biển số) T khai mượn của một người bạn tên Huy và đã trả lại cho Huy. Do không rõ nhân thân, lai lịch của Huy nên không có cơ sở để xác minh, làm rõ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản h Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Mậu V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Bị cáo Lê Mậu V 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Phòng KTNV – TAND tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

